

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA BÈ
TỈNH BẮC KẠN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST
Ngày 15 tháng 01 năm 2024.
“ V/v: Ly hôn, nuôi con khi ly
hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA BÈ, TỈNH BẮC KẠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Hùng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Xuân Trường
Bà Hoàng Thị Thào

Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Hải Yên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Bè, tỉnh Bắc Kạn.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bè, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Ba Bè, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 59/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 07/12/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2023/QĐST-HNGD ngày 28/12/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Hoàng Thị T**, sinh năm 1982. Có mặt
 - Bị đơn: **Anh Dương Văn B**, sinh năm 1977. Vắng mặt
- Đều trú tại: **Thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện xin ly hôn, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị **Hoàng Thị T** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh **Dương Văn B** xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã C** (nay là **xã T**), **huyện B, tỉnh Bắc Kạn** năm 2005. Chúng tôi chung sống từ đó đến nay, ban đầu cuộc sống vợ chồng cũng hạnh phúc, nhưng thời gian sau đó cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng về quan điểm trong cuộc sống gia đình và nhiều vấn đề khác.

Sau đó tôi đi xuất khẩu lao động và đầu năm 2023 tôi về nhà, hai vợ chồng không nói chuyện được với nhau cứ nói chuyện là cãi nhau và mâu thuẫn lại phát sinh, do vậy hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Từ tháng 8 năm 2023 đến nay hai vợ chồng đã sống ly thân tôi không ở cùng gia đình chồng con nữa. Nay tôi xin được ly hôn với anh **Dương Văn B**.

Về con chung: Anh chị có hai con chung tên là **Dương Xuân M**, sinh ngày 02/4/2007 và **Dương Gia B1**, sinh ngày 27/8/2008, con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường, hiện nay đang sống cùng anh **Dương Văn B** tại **thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Bắc Kạn**. Khi ly hôn, tôi có nguyện vọng giao cả hai con chung cho anh **Dương Văn B** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung và tôi đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh **Dương Văn B** trình bày: Tôi kết hôn với chị **Hoàng Thị T** trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương và có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã C** (nay là **xã T**), **huyện B, tỉnh Bắc Kạn** vào ngày 11/10/2005. Sau khi kết hôn hai vợ chồng tôi sinh sống tại thôn Bản Ngụ, **xã T, huyện B, tỉnh Bắc Kạn**. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng vẫn hòa thuận hạnh phúc. Từ khi chị **Hoàng Thị T** đi xuất khẩu lao động về nước năm 2023 đến nay vợ chồng vẫn bình thường, từ đó đến nay chị **T** đi đâu tôi không biết không thấy về nhà và thăm con. Nay chị **Hoàng Thị T** có đơn xin ly hôn với tôi, bản thân tôi xác định vẫn còn tình cảm với chị **T**, bản thân tôi không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Tôi và chị **Hoàng Thị T** có hai con chung tên là **Dương Xuân M**, sinh ngày 02/4/2007 và **Dương Gia B1**, sinh ngày 27/8/2008, con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường, hiện nay đang sống cùng tôi tại thôn Bản Ngụ, **xã T, huyện B, tỉnh Bắc Kạn**. Nếu phải ly hôn, tôi có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung và không yêu cầu chị **Hoàng Thị T** cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tôi không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh thu thập các tài liệu liên quan đến việc xin ly hôn của chị **Hoàng Thị T**, biên bản xác minh quá trình sinh sống của hai vợ chồng về mặt tình cảm, lý do xin ly hôn và các mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân của cả hai vợ chồng, điều kiện kinh tế và hoàn cảnh gia đình của hai bên đương sự tại địa phương và Tòa án nhân dân huyện Ba Bể đã tiến hành hòa giải nhưng bị đơn anh **Dương Văn B** không hợp tác, nên Tòa án tiến hành lập biên bản hòa giải không thành và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị **Hoàng Thị T** vẫn giữ nguyên yêu cầu được Ly hôn với anh **Dương Văn B** và giao cả hai con chung cho anh **Dương Văn B** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung và tôi đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

- Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình tố tụng, xây dựng hồ sơ và tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã đảm bảo đúng quy định. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và vắng mặt, do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX chấp nhận đơn xin ly hôn của chị **Hoàng Thị T**.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị **Hoàng Thị T** được ly hôn với anh **Dương Văn B**.

- Về con chung: Đề nghị giao con chung **Dương Xuân M**, sinh ngày 02/4/2007 và **Dương Gia B1**, sinh ngày 27/8/2008 cho anh **Dương Văn B** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con cả hai bên không phải đóng góp nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị **Hoàng Thị T** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Đây là vụ án Ly hôn, nuôi con chung khi Ly hôn, các đương sự đều cư trú tại **thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Bắc Kạn**. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ba Bể.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và vắng mặt, do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Hoàng Thị T** và anh **Dương Văn B** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **T, huyện B, tỉnh Bắc Kạn** vào ngày 11/10/2005 nên xác định hôn nhân của các đương sự là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, sau đó vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống, thiếu tôn trọng nhau. Trong cuộc sống do hai vợ chồng không thường xuyên gần nhau nên đã có những mâu thuẫn và cùng gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên bảo nhưng tình cảm hai vợ chồng vẫn không thay đổi, do vậy hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, hai vợ chồng đã sống ly thân. Nay chị **Hoàng Thị T** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Dương Văn B**, Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị **T** và anh **B** mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống

chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu xin ly hôn của chị **T** là phù hợp với Luật Hôn nhân và gia đình, nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị **Hoàng Thị T** và anh **Dương Văn B** có hai con chung tên là **Dương Xuân M**, sinh ngày 02/4/2007 và **Dương Gia B1**, sinh ngày 27/8/2008, con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường và hiện nay các con đang ở cùng với anh **Dương Văn B**. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, chị **T** có nguyện vọng được giao cả hai con chung cho anh **Dương Văn B** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, anh **B** cũng có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung và các cháu đều có nguyện vọng được ở cùng bố. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay hai anh chị đều có việc làm và có thu nhập đủ điều kiện để nuôi con và đảm bảo phù hợp với nguyện vọng của các con, tuy nhiên hiện nay chị **T** chưa có nơi ở ổn định, vẫn phải đi ở nhà thuê, anh **B** có nhà ở ổn định, do vậy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự về vấn đề nuôi con chung, Hội đồng xét xử giao con chung **Dương Xuân M**, sinh ngày 02/4/2007 và **Dương Gia B1**, sinh ngày 27/8/2008 cho anh **Dương Văn B** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung, các bên không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên đương sự có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị **Hoàng Thị T** phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

* Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn của chị **Hoàng Thị T**.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị **Hoàng Thị T** được ly hôn với anh **Dương Văn B**.

- Về con chung: Giao con chung **Dương Xuân M**, sinh ngày 02/4/2007 và **Dương Gia B1**, sinh ngày 27/8/2008 cho anh **Dương Văn B** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung, các bên không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên đương sự có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147/Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chị **Hoàng Thị T** phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí chị **Hoàng Thị T** đã nộp theo biên lai số: 0001194 ngày 05/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Xác nhận chị **Hoàng Thị T** đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện Ba Bể;
- Chi cục THADS huyện Ba Bể;
- Các đương sự;
- UBND xã Thượng Giáo;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thế Hùng